

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2018

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT
NƯỚC KHÁNH HÒA

Nha Trang, ngày 19 tháng 01 năm 2019



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		153.936.904.812	136.546.232.415
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.775.989.672	25.035.408.807
1. Tiền	111		12.496.395.106	6.919.190.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.279.594.566	18.116.218.711
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.000.000.000	21.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.000.000.000	21.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.314.381.791	48.030.222.861
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		45.098.742.766	46.898.760.450
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.083.832.100	983.756.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.131.806.925	147.706.411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		45.426.455.300	40.135.637.265
1. Hàng tồn kho	141		45.426.455.300	40.135.637.265
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		420.078.049	2.344.963.482
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			647.130.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		420.078.049	1.697.833.482
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		411.276.644.123	418.252.672.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		354.128.212.542	381.192.464.132
1. TSCĐ hữu hình	221		335.698.991.742	361.827.391.105
- Nguyên giá	222		826.639.501.821	758.375.144.005
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(490.940.510.079)	(396.547.752.900)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227		18.429.220.800	19.365.073.027
- Nguyên giá	228		28.512.859.400	27.837.385.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(10.083.638.600)	(8.472.311.973)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		33.902.360.578	12.272.501.468
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		33.902.360.578	12.272.501.468
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.246.071.003	23.907.867.366
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		25.738.203.637	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.492.132.634)	(92.132.634)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			879.840.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			879.840.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		565.213.548.935	554.798.905.381

· Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		258.435.358.867	252.594.929.064
I. Nợ ngắn hạn	310		98.654.466.480	102.298.777.320
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		31.131.604.600	33.660.495.540
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.128.869.000	3.335.896.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		9.051.581.121	7.158.116.687
4. Phải trả người lao động	314		19.125.676.167	18.350.952.069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.522.219.771	3.452.545.274
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			50.841.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.555.170.679	600.033.608
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		18.318.134.864	30.250.809.864
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.821.210.278	5.439.087.278
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		159.780.892.387	150.296.151.744
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		15.712.720.104	10.641.967.385
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		138.730.397.697	137.729.414.697
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		5.337.774.586	1.924.769.662
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		306.778.190.068	302.203.976.317
I. Vốn chủ sở hữu	410		306.778.190.068	302.203.976.317
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp của Nhà nước	4 1 1 A		206.000.000.000	206.000.000.000
- Vốn góp của các thể nhân khác	4 1 1 B		54.000.000.000	54.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(610.460.000)	(314.400.000)

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.599.227.000	7.655.926.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.936.547.133	34.009.574.382
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	4 2 1 A			4.576.565.260
- LNST chưa phân phối kỳ này	4 2 1 B		35.936.547.133	29.433.009.122
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		565.213.548.935	554.798.905.381

Ngày 19 tháng 01 năm 2019.

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)


Trần Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Nguyễn Văn Quân

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Đàm


BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 4 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lk từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		96.085.647.729	93.492.480.965	350.598.026.783	312.197.369.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.941.000	63.214.636	49.832.909	89.317.727
+ Doanh thu chưa thực hiện	02D			50.841.000		50.841.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		96.068.706.729	93.429.266.329	350.548.193.874	312.108.051.431
4. Giá vốn hàng bán	11		77.858.373.117	84.199.699.493	291.766.004.623	266.295.776.416
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.210.333.612	9.229.566.836	58.782.189.251	45.812.275.015
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.378.814.399	930.889.089	4.699.387.855	2.299.970.047
7. Chi phí tài chính	22		1.408.891.413	776.049.097	5.468.598.601	4.248.248.317
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.408.891.413	776.049.097	5.468.598.601	4.248.248.317
8. Chi phí bán hàng	25		150.000.000	192.618.882	461.287.563	711.414.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		9.132.386.691	4.228.268.295	16.058.628.586	9.529.320.373
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		10.897.869.907	4.963.519.651	41.493.062.356	33.623.262.036
11. Thu nhập khác	31		1.200.164.858	1.754.409.812	4.611.796.494	6.235.688.937
12. Chi phí khác	32		1.638.861.245	1.586.924.136	4.869.843.954	6.252.600.533
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(438.696.387)	167.485.676	(258.047.460)	(16.911.596)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.459.173.520	5.131.005.327	41.235.014.896	33.606.350.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.431.169.419	741.890.801	5.298.467.763	4.173.341.318
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.028.004.101	4.389.114.526	35.936.547.133	29.433.009.122
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)


Trần Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Nguyễn Văn Quân

Ngày 19 tháng 01 năm 2019.

GIÁM ĐỐC



(Ký, họ tên, đóng dấu)
TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Đàm



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		111.858.053.075	104.414.684.304
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(41.685.195.493)	(45.791.978.002)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.958.102.505)	(21.596.625.272)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.195.146.925)	(1.405.808.776)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(579.684.596)	(538.601.652)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.115.695.155	3.684.787.665
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.429.194.609)	(30.793.125.663)
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.126.424.102	7.973.332.604
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(814.336.563)	(1.217.685.446)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		64.881.500	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.066.765.981	1.030.418.434
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.682.689.082)	(5.187.267.012)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.433.080.000)	(6.703.080.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.433.080.000)	(6.703.080.000)
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.010.655.020	(3.917.014.408)
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.765.334.652	28.952.423.215
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61+62)	70		33.775.989.672	25.035.408.807

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5

Ngày...19...tháng...01...năm...2019...

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Trần Thị Thu Hà


Nguyễn Văn Quân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đàm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tt **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. **ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

1. **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Cấu trúc Công ty**

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty có đầu tư vào 2 công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu có trụ sở chính tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 30%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thạnh có trụ sở chính tại 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa; với hoạt động chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp là 12.000.000.000VND, tương đương 15% vốn điều lệ.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà (Nộp phí)	58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy nước Võ Cạnh – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	Gò Đình, thôn Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung - Nha Trang
Nhà máy nước Xuân Phong – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	Thôn Phú Bình, xã Vĩnh Thạnh - Nha Trang
Kiểm định đồng hồ đo nước – Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hoà	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp	Số 1B Lê Hồng Phong, phường Phước Tân - Nha Trang

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
------------	---------

thoát nước Khánh Hoà – Xí nghiệp	
----------------------------------	--

Xây lắp Cấp thoát nước	
------------------------	--

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 333 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 357 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí trả trước ngắn hạn khác

Chi phí trả trước ngắn hạn khác là chi phí sửa chữa các tuyến ống, được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	41.144.573	44.272.027
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.455.250.533	6.874.918.069
Các khoản tương đương tiền	21.279.594.566	18.116.218.711
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	<u>21.279.594.566</u>	<u>18.116.218.711</u>
Cộng	<u>33.775.989.672</u>	<u>25.035.408.807</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>27.000.000.000</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>
Cộng	<u>27.000.000.000</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201803822 ngày 26 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, tại phụ lục I-7, Công ty cũng đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành 12.000.000.000VND, tương đương 15% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 1.738.203.637 VND, tương đương 14.485% vốn điều lệ.

<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu (*)	25.738.203.637	(92.132.634)	24.000.000.000	(92.132.634)
Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	1.738.203.637	-	-	-
Cộng	25.738.203.637	(2.492.132.634)	24.000.000.000	(92.132.634)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	92.132.634	92.132.634
Số cuối kỳ	2.492.132.634	92.132.634

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	36.000.000	33.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cấp thoát nước Suối Dầu	36.000.000	33.000.000
Phải thu các khách hàng khác		46.898.760.450.
Phải thu tiền nước khách hàng	32.799.834.766	29.550.495.960
Phải thu hoạt động xây lắp	346.238.000	576.121.490
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước - UBND Thành Phố Nha trang	11.916.670.000	16.739.143.000
Cộng	45.098.742.766	46.898.760.450

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các người bán khác		
Công ty Cổ phần Bạch đằng 4	137.719.100	-
Công ty Cổ Phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển Sài Gòn (SCDI)	197.500.000	-
Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng và môi trường (IDECA)	194.646.000	194.646.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Đồng Phát	-	395.510.000
Trường Đại học lao động xã hội - Cơ sở 2	-	240.000.000
Các nhà cung cấp khác	553.967.000	153.600.000
Cộng	1.083.832.100	983.756.000

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				-
Các khoản ký cược, ký quỹ	454.395.674	-	32.271.000	-
Tạm ứng	8.000.000	-	56.720.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	179.997.801	-	58.715.411	-
Thuế TNCN	477.142.450	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	12.271.000	-	-	-
Cộng	1.131.806.925	-	147.706.411	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa đảm bảo thực hiện dự án cải tạo Nhà máy xử lý nước thị trấn Tô Hạp, huyện Khánh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	35.250.959.743	-	38.359.747.754	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.175.495.557	-	1.775.889.511	-
Cộng	45.426.455.300	-	40.135.637.265	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.442.370.000
Chi phí nâng cấp phần mềm	-	84.600.000
Cộng	-	1.526.970.000

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	59.275.318.936	194.181.452.883	503.407.646.851	1.510.725.335	758.375.144.005
Mua trong kỳ	3.347.359.273	10.509.705.995	5.386.015.545	46.809.091	19.596.024.904
Đầu tư XD CB hoàn thành	6.184.831.546	21.411.140.728	25.549.781.546	-	52.559.253.820

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Thanh lý, hao mòn tài sản		(152.000.000)	(3.426.320.908)	(312.600.000)	3.890.920.908
Số cuối kỳ	68.807.509.755	225.669.934.606	530.917.123.034	1.244.934.426	826.639.501.821
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.105.636.460	33.194.199.638	52.481.401.305	1.006.398.062	105.787.635.465
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35.554.020.455	95.120.188.862	264.588.727.327	1.284.816.256	396.547.752.900
Khấu hao trong kỳ	6.146.648.285	39.652.857.193	55.010.433.070	430.444.189	101.544.382.737
Số cuối kỳ	41.700.668.740	134.773.046.055	313.376.734.839	1.090.060.445	490.940.510.079
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	23.721.298.481	99.061.264.021	238.818.919.524	225.909.079	361.827.391.105
Số cuối kỳ	27.106.841.015	90.896.888.551	217.540.388.195	154.873.981	335.698.991.742
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.122.000.000 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa. (xem thuyết minh V.17)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	24.636.685.000	2.579.904.000	620.796.000	27.837.385.000
Mua trong kỳ	-	937.533.000	358.737.400	1.296.270.400
Thanh lý TSCĐ			(620.796.000)	(620.796.000)
Số cuối kỳ	24.636.685.000	3.517.437.000	358.737.400	28.512.859.400
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2.579.904.000	-	2.579.904.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	5.526.828.673	2.579.904.000	365.579.300	8.472.311.973
Khấu hao trong kỳ	1.807.627.404	99.524.027	(295.824.804)	1.611.326.627
Số cuối kỳ	7.334.456.077	2.679.428.027	69.754.496	10.083.638.600
Giá trị còn lại				

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	19.109.856.327	-	255.216.700	19.365.073.027
Số cuối kỳ	17.302.228.923	838.008.973	288.982.904	18.429.220.800
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.997.458.325 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa. (xem thuyết minh V.17)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	12.272.501.468	95.066.636.616	69.855.820.363	3.580.957.143	33.902.360.578
- Dự án cấp nước đảo Trí Nguyên	3.472.001	-	-	3.472.001	-
- Dự án mở rộng cấp nước thành phố Nha Trang	1.053.702.202	-	-	-	1.053.702.202
- Dự án nhà hành chính nhà máy nước Võ Cạnh	1.037.075.454	1.834.275.454	2.862.877.000	8.473.908	-
- Dự án xử lý bùn nhà máy nước Võ Cạnh	1.092.237.273	299.023.546	-	-	1.391.260.819
- Dự án nâng cấp tuyến ống DNB 700 đường 23/10 từ NMN Võ cạnh - Cầu đừa	1.386.117.545	22.941.923.657	-	285.772.880	24.042.268.322
- Tuyến D400 đường Phong Châu	-	3.431.182.010	3.272.146.000	159.036.010	-
- Bể lọc nước nhà máy nước Võ Cạnh	-	11.139.309.500	11.127.113.000	12.196.500	-
- Các công trình khác	7.699.897.993	55.420.922.449	52.593.684.363	3.112.005.844	7.415.129.235
Cộng	12.272.501.468	95.066.636.616	69.855.820.363	3.580.957.143	33.902.360.578

11. Phải trả người bán ngắn hạn**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.473.273.000	3.412.068.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	5.473.273.000	3.412.068.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	25.658.331.600	30.248.427.540
Công ty TNHH Dũng Lợi	10.185.864.000	11.713.925.000
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	-	6.467.301.500
Công ty TNHH Minh Thông	-	3.115.625.781
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	2.034.175.000	4.860.805.400
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	-	3.046.604.660
Công ty TNHH Xây dựng- Sản xuất- Thương mại- Dịch vụ Lan Thanh	4.221.569.000	-
Công ty TNHH thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	2.074.440.000	-
Công ty cổ phần tự động công nghiệp OMINA	3.301.876.000	558.899.000
Các nhà cung cấp khác	3.840.407.600	485.266.199
Cộng	31.131.604.600	33.660.495.540

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	13.128.869.000	3.335.896.000
Ban Quản lý dự án các dự án ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh Khánh Hòa	-	974.413.000
Trung tâm phát triển quỹ đất Tỉnh Khánh hòa	12.352.555.000	1.261.098.000
Các khách hàng khác	776.314.000	1.100.385.000
Cộng	13.128.869.000	3.335.896.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	26 737 071 989	(26 737 071 989)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	497.595.465	5 298 467 763	(4.000.000.000)	1 796 063 228
Thuế thu nhập cá nhân	380.626.550	3.472.622.018	(3.056.593.118)	796.655.450
Thuế tài nguyên	109.813.200	1.402.433.520	(1.393.867.320)	118.379.400
Thuế nhà đất	-	21.642.500	(21.642.500)	-
Thuế khác	10.815.400	5.633.579	(16.448.979)	-
<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>10.815.400</i>	<i>2.633.579</i>	<i>(13.448.979)</i>	<i>-</i>
<i>Thuế môn bài</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000</i>	<i>(3.000.000)</i>	<i>-</i>
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.159.266.072	75.248.180.583	(75.066.963.612)	6.340.483.043
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước sinh hoạt</i>	<i>517.367.064</i>	<i>7.619.399.119</i>	<i>(7.544.999.546)</i>	<i>591.766.637</i>
<i>Giá thoát nước đô thị</i>	<i>5.183.534.036</i>	<i>63.892.786.636</i>	<i>(63.886.165.178)</i>	<i>5.190.155.494</i>
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	<i>458.364.972</i>	<i>2.258.551.828</i>	<i>(2.158.355.888)</i>	<i>558.560.912</i>
<i>Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	<i>-</i>	<i>1.477.443.000</i>	<i>(1.477.443.000)</i>	<i>-</i>
Cộng	7.158.116.687	112.186.051.952	(110.292.587.518)	9.051.581.121

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%
- Hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế tài nguyênCông ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 3.000 VND/m³, thuế suất là 1%.**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Quy lương kế hoạch năm 2018 được thực hiện theo Công văn số 5661/UBND-KT ngày 08 tháng 06 năm 2018 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- + Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của Người lao động là: 74.868.000.000 VND.
- + Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của Viên chức quản lý là: 2.832.000.000 VND

Trong 6 tháng đầu năm, Công ty đã tạm trích Quỹ lương năm 2018 với tỷ lệ 18% trên tổng doanh thu doanh thu nước sạch và doanh thu thiết kế theo Quyết định số 12NQ-HĐQT ngày 23 tháng 03 năm 2018.

Số dư cuối năm là Quỹ lương còn lại chưa chi cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.373.274.772	3.452.545.274
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	1.767.899.620	478.240.890
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Chi phí công trình	602.087.399	1.019.008.214
Chi phí lãi vay phải trả	213.744.488	252.607.121
Chi phí tiền điện sản xuất	362.673.367	582.740.500
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	505.529.335	1.119.948.549
<i>Chi phí may bảo hộ lao động, khám sức khỏe cho công nhân</i>	<i>241.006.000</i>	<i>493.779.600</i>
<i>Các chi phí phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>148.944.999</i>	<i>510.590.613</i>
<i>Công trình Lê Thanh Liêm</i>	<i>115.578.336</i>	<i>115.578.336</i>
Cộng	2.522.219.771	3.452.545.274

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		2.797.458.963
Cổ tức phải trả hàng năm cho Cổ đông	-	-
Kinh phí công đoàn	475.365.000	622.397.551
Nhận đặt cọc lắp đặt hệ thống ống nước (*)	1.080.000.000	510.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(194.321)	487.636.057
Cộng	1.555.170.679	1.110.033.608

* Số dư bao gồm khoản mục được chuyển sang từ khoản mục **16b** phải trả dài hạn khác

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	11.205.569.308	4.193.771.308
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Nhận bàn giao tài sản NMN Tô Hạp	11.205.569.308	4.193.771.308
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa - Cổ tức phải trả	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.796.000.000	4.572.800.000
Tiền lãi vay ân hạn vốn ODA phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	2.796.000.000	4.572.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền công trình cho XNXL	722.150.796	-
Phải trả dài hạn khác	989.000.000	-
Cộng	<u>15.712.720.104</u>	<u>10.641.967.385</u>

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	18.318.134.864	30.250.809.864
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	9.026.160.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	-	9.030.000.000
- Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa	9.291.974.864	12.194.649.864
Cộng	<u>18.318.134.864</u>	<u>30.250.809.864</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	9.026.160.000	(9.026.160.000)	9.026.160.000	9.026.160.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	9.030.000.000	(10.141.532.000)	1.111.532.000	-
- Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa	12.194.649.864	(9.000.000.000)	6.097.325.000	9.291.974.864
Cộng	<u>30.250.809.864</u>	<u>(28.167.692.000)</u>	<u>16.235.017.000</u>	<u>18.318.134.864</u>

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>138.730.397.697</u>	<u>137.729.414.697</u>
Vay dài hạn ngân hàng	138.730.397.697	76.756.165.378
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	40.617.720.978	49.643.880.978
Vay Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	43.236.752.400	27.112.284.400
Vay dài hạn các tổ chức khác	54.875.924.319	60.973.249.319
Vay Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	54.875.924.319	60.973.249.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	138.730.397.697	137.729.414.697

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để “Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang với hạn mức 135.392.400.978 VND, lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn vay 25 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc là 20 năm (mỗi năm 2 kỳ) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2004. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “*Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa*”.

- (ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:

⊙ Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 với hạn mức tín dụng 28 tỷ VND, mục đích vay để đầu tư dự án Cấp nước sạch Xã Vĩnh Lương, thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/9/2013), thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh. (xem thuyết minh V.8 và V.9).

⊙ Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-DĐTPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 với hạn mức 25 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án “Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú”, thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2015, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 84 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. (xem thuyết minh V.8 và V.9).

⊙ Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD-ĐTPT ngày 21 tháng 11 năm 2016 với hạn mức 24,37 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án “Đầu tư hệ thống cấp nước sạch cho đảo Trí Nguyên”, thời hạn vay là 105 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 11 năm 2016, thời gian ân hạn 9 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 96 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. (xem thuyết minh V.8 và V.9).

⊙ Hợp đồng tín dụng số 09/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 27 tháng 12 năm 2017 với hạn mức 41,15 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án “Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước DN700 đường 23/10 đoạn Nhà máy nước Võ Cạnh đến Cầu Dứa - Nha Trang”, thời hạn vay là 126 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 09 tháng 05 năm 2018, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 120 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. (xem thuyết minh V.8 và V.9).

- (iii) Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa để đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

nước Khánh Hòa với lãi suất 0%. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.

17c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, khoa học và công nghệ

18a. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Nhận khen thưởng từ Sở xây dựng	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(521.159.000)	4.414.951.000	17.550.000	(3.755.383.000)	155.959.000
Quỹ phúc lợi	5.960.246.278	882.990.000	-	(3.177.985.000)	3.665.251.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	1.177.320.000	-	(1.177.320.000)	-
Cộng	5.439.087.278	6.475.261.000	17.550.000	(6.492.811.000)	3.821.210.278

18b. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Số đầu năm 1.924.769.662

Số cuối năm **5.337.774.586**

Vào cuối tháng 12/2018, công ty đã trích lập 3.131.822.728 để tăng TSCĐ - Hệ thống SCADA từ quỹ Phát triển khoa học Công nghệ.

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	206.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	40.600.000.000
Các cổ đông khác	13.400.000.000	13.400.000.000
Cộng	260.000.000.000	260.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23	206.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62	40.600.000.000	-
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15	13.400.000.000	-
Cộng	260.000.000.000	100	260.000.000.000	-

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 Công ty đã được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận việc phát hành lại cổ phiếu quỹ ra công chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày 10 tháng 04 năm 2018 Công ty đã mua lại 46.600 cổ phiếu với giá giao dịch 13.100 VND/Cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 21 tháng 04 năm 2018.

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	46.600	24.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.953.400	25.976.000

Toàn bộ cổ phiếu là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Doanh thu sản xuất nước sạch	75.921.330.552	69.422.224.435
Doanh thu hoạt động xây lắp	19.985.386.925	23.602.391.595
Doanh thu khảo sát thiết kế	171.519.707	316.030.620
Doanh thu bán vật tư	7.410.545	151.834.315
Cộng	<u>96.085.647.729</u>	<u>93.492.480.965</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty cung cấp dịch vụ thi công xây lắp cho Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu với doanh thu là 1.426.201.818 đồng.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Hàng bán bị trả lại	16.941.000	63.214.636
Cộng	<u>16.941.000</u>	<u>63.214.636</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Giá vốn sản xuất, cung cấp nước sạch	59.497.158.143	62.469.986.598
Giá vốn hoạt động xây lắp	18.184.251.933	20.982.960.610
Giá vốn hoạt động khảo sát, thiết kế	154.367.736	180.168.191
Giá vốn khác (bán vật tư,..)	22.595.305	137.835.401
Cộng	<u>77.858.373.117</u>	<u>83.770.950.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.378.814.399	1.836.367.178
Cộng	3.378.814.399	1.836.367.178
5. Chi phí tài chính		
	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Chi phí lãi vay	1.408.891.413	1.658.415.897
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	-
Cộng	1.408.891.413	1.658.415.897
6. Chi phí bán hàng		
	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.000.000	-
- Chi phí dịch vụ hóa đơn điện tử	150.000.000	-
Các chi phí khác	-	-
Cộng	150.000.000	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Chi phí cho nhân viên	1.329.628.294	1.867.130.912
Chi phí vật liệu quản lý	3.512.200.000	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	182.222.910	82.904.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	148.840.698	81.596.455
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dự phòng	2.400.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	916.204.459	1.278.935.916
Các chi phí khác	643.290.330	698.749.886
Cộng	9.132.386.691	4.009.317.714
8. Thu nhập khác		
	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Được thưởng, bồi thường	-	-
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	64.881.500	41.688.637
Thu từ phí bảo vệ môi trường giữ lại	1.041.601.989	1.492.994.974
Thu nhập khác	93.681.369	219.236.400
Cộng	1.200.164.858	1.753.920.011
9. Chi phí khác		
	Quý 4/2018	Quý 4/2017
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	534.301.647	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Chi phí bị phạt	-	9 542 667
Chi hỗ trợ phí bảo vệ môi trường và thoát nước đô thị	1.041.539.410	1 496 096 550
Chi phí khác	63.020.188	69 039 694
Cộng	<u>1.638.861.245</u>	<u>1 574 678 911</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.991.304.055	16.832.198.351
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.991.304.055	16.832.198.351
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.974.104	25.976.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	<u>693</u>	<u>648</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.387.994.357	25.447.606.864
Chi phí nhân công	17.080.370.915	24.994.884.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.724.064.327	23.144.041.795
Chi phí phân bổ	166.936.364	-
Chi phí thuế và lệ phí	847.171.398	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.264.866.875	3.080.197.291
Chi phí khác	483.069.382	2.278.298.877
Cộng	<u>72.954.473.618</u>	<u>78.945.028.943</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa	Cổ đông sở hữu 79,23% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	Công ty liên kết

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: sản xuất nước sạch, hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và bán vật tư. Báo cáo kết quả kinh doanh theo bộ phận thể hiện kết quả của lĩnh vực trong doanh trong năm như sau:

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Hoạt động sản xuất nước sạch		
Doanh thu	75.921.330.552	69.422.224.435
Giá vốn	59.497.158.143	62.469.986.598
Lợi nhuận gộp	16.424.172.409	6.952.237.837
	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Hoạt động xây lắp		
Doanh thu	19.985.386.925	23.602.391.595
Hàng bán bị trả lại	16.941.000	-
Giá vốn	18.184.251.933	20.982.960.610
Lợi nhuận gộp	1.784.193.992	2.619.430.985

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Hoạt động khảo sát, thiết kế		
Doanh thu	171.519.707	316.030.620
Giá vốn	<u>154.367.736</u>	<u>180.168.191</u>
Lợi nhuận gộp	<u>17.151.971</u>	<u>135.862.429</u>
	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Hoạt động khác (bán vật tư,...)		
Doanh thu	7.410.545	151.834.315
Giá vốn	<u>22.595.305</u>	<u>137.835.401</u>
Lợi nhuận gộp	<u>(15.184.760)</u>	<u>13.998.914</u>
	<u>Quý 4/2018</u>	<u>Quý 4/2017</u>
Lợi nhuận gộp	<u>18.210.333.612</u>	<u>9.721.530.165</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

Số cuối kỳSố đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.775.989.672	25.035.408.807
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.000.000.000	21.000.000.000
Phải thu khách hàng	45.098.742.766	46.898.760.450
Các khoản phải thu khác	1.131.806.925	147.706.411
Cộng	<u>107.006.539.363</u>	<u>92.951.875.668</u>

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi có và không kỳ hạn với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 56.765.334.652 VND (số đầu năm là 39.116.218.711 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước/sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.775.989.672	-	25.035.408.807	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	45.098.742.766	-	46.898.760.450	-
Các khoản phải thu khác	1.131.806.925	-	147.706.411	-
Cộng	107.006.539.363	-	92.951.875.668	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Phải trả người bán	31.131.604.600		33.660.495.540	
Vay và nợ ngắn hạn	18.318.134.864		30.250.809.864	
Vay và nợ dài hạn	138.730.397.697		137.729.414.697	
Các khoản phải trả khác	17.267.890.783		11.242.000.993	
Cộng	205.448.027.944		212.882.721.094	

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nha Trang, ngày 19 tháng 01 năm 2018



Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu



Nguyễn Văn Quân
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đàm
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT
NƯỚC KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27./CTN-TV

Khánh hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2019

V/v Giải trình chênh lệch KQSXKD
tăng Quý 4/2018

Kính gửi :

Ủy ban chứng khoán Nhà nước ;
Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX).

- Căn cứ theo thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán .
- Căn cứ Báo cáo tài chính Quý 4/2018 của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Khánh Hòa (Mã chứng khoán KHW) giải trình số liệu Lợi nhuận sau thuế Quý 4/ 2018 tăng trên 10% so với quý 4/2017 như sau :

STT	Chi tiêu	Quý 4/2017	Quý 4/2018	Chênh lệch
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN	5.131.005.327	10.459.173.520	103,8%
2	Thuế TNDN	741.890.801	1.431.169.419	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.389.114.526	9.028.004.101	105,6%

Nguyên nhân :

Lợi nhuận trước thuế TNDN chênh lệch tăng 5.328.168.193 đồng (tương ứng 103,8%)
lào :

Quý 4/2018 toàn bộ 80% khối lượng sản lượng Xây lắp các công trình do Công ty thi công mới được các Chủ đầu tư nghiệm thu cho nên Chi phí nhân công tăng dẫn đến tổng quỹ lương toàn Công ty tăng (đặc biệt là Công trình Nạo vét và sửa chữa mương thoát nước thành phố Nha trang). Do đó Công ty điều chỉnh tỷ lệ đơn giá tiền lương sản xuất nước để phù hợp với tổng quỹ lương được phê duyệt cho cả năm 2018. Công ty đã điều chỉnh giảm Chi phí nhân công sản xuất nước quý 4/2018 : 5.861.102.000 đồng của Quý 1,2,3 năm 2018 (từ 18%/1.000 đồng doanh thu sản xuất nước xuống 15,5%/1000 đồng doanh thu sản xuất nước).

Vậy Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Khánh Hòa xin giải trình số liệu chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 4/2018 để Ủy ban và Sở giao dịch được rõ.

Trân trọng

Lưu :

- Như trên ;
- Lưu : VT, TV (quan)



Nguyễn Văn Đàm



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		464.413.010.394	388.509.615.323
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(173.060.877.519)	(150.801.518.028)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(77.897.984.430)	(72.048.343.217)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.254.854.113)	(5.331.229.996)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.000.000.000)	(3.138.601.652)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.674.309.489	6.372.614.092
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(161.229.331.490)	(144.161.040.432)
1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.644.272.331	19.401.496.090
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.645.883.507)	(4.815.551.360)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		105.781.500	3.591.725
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.075.000.000)	(13.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.175.162.541	1.057.752.169
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.439.939.466)	(17.554.207.466)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		314.400.000	314.400.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(610.460.000)	
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(28.167.692.000)	(16.128.333.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			(36.106.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.463.752.000)	(15.850.039.000)
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		8.740.580.865	(14.002.750.376)
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.035.408.807	39.038.159.183
6. Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
7. Ảnh hưởng của việc tái phân loại các khoản tương đương tiền cuối kỳ	62			
8. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61+62)	70		33.775.989.672	25.035.408.807

HÀNH PHỦ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5


Ngày 19 tháng 01 năm 2019

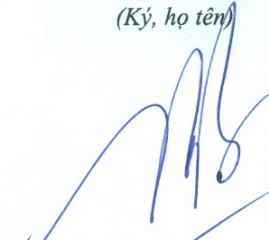
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Trần Thị Thu Hà


Nguyễn Văn Quân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đàm

5
1
T
Á
1
1